

7. Nghệ thuật (Âm nhạc)	1202	1.202	246	120	2	257	118	5	242	119	3	245	117	3	212	103	3
Hoàn thành tốt		1.058	215	113		238	116	4	207	109		214	110		184	99	
Hoàn thành		143	31	7	2	18	2		35	10	3	31	7	3	28	4	3
Chưa hoàn thành		1				1		1									
8. Nghệ thuật (Mĩ thuật)	1202	1.202	246	120	2	257	118	5	242	119	3	245	117	3	212	103	3
Hoàn thành tốt		1.047	215	110		229	112	4	211	107		210	107		182	98	
Hoàn thành		154	31	10	2	27	6		31	12	3	35	10	3	30	5	3
Chưa hoàn thành		1				1		1									
9. Hoạt động trải nghiệm	1202	1.202	246	120	2	257	118	5	242	119	3	245	117	3	212	103	3
Hoàn thành tốt		1.102	222	112		244	113	4	212	110		222	113		202	101	1
Hoàn thành		99	24	8	2	12	5		30	9	3	23	4	3	10	2	2
Chưa hoàn thành		1				1		1									
10. Giáo dục thể chất	1202	1.202	246	120	2	257	118	5	242	119	3	245	117	3	212	103	3
Hoàn thành tốt		1.096	216	109	1	254	116	4	217	110	1	218	109		191	98	
Hoàn thành		105	30	11	1	2	2		25	9	2	27	8	3	21	5	3
Chưa hoàn thành		1				1		1									
11. TH-CN (Công nghệ)	699	699							242	119	3	245	117	3	212	103	3
Hoàn thành tốt		637							206	104		238	117	3	193	98	
Hoàn thành		62							36	15	3	7			19	5	3
Chưa hoàn thành																	
12. TH-CN (Tin học)	1202	699							242	119	3	245	117	3	212	103	3
Hoàn thành tốt		634							210	105	1	229	110	3	195	95	
Hoàn thành		65							32	14	2	16	7		17	8	3
Chưa hoàn thành																	
13. Ngoại ngữ	1202	1.202	246	120	2	257	118	5	242	119	3	245	117	3	212	103	3
Hoàn thành tốt		1.046	212	103		231	109	4	204	105		214	108	1	185	96	
Hoàn thành		152	31	15	1	25	9		38	14	3	31	9	2	27	7	3
Chưa hoàn thành		4	3	2	1	1		1									
II. Năng lực cốt lõi																	
Năng lực chung																	
Tự chủ và tự học	1202	1.202	246	120	2	257	118	5	242	119	3	245	117	3	212	103	3
Tốt		1.089	224	115		243	114	5	213	107		221	107	1	188	100	

Đạt		110	19	3	1	14	4		29	12	3	24	10	2	24	3	3
Cần cố gắng		3	3	2	1												
Giao tiếp và hợp tác	1202	1.202	246	120	2	257	118	5	242	119	3	245	117	3	212	103	3
Tốt		1.098	224	115		242	114	4	213	108		221	108		198	100	1
Đạt		100	19	3	1	14	4		29	11	3	24	9	3	14	3	2
Cần cố gắng		4	3	2	1	1		1									
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	1202	1.202	246	120	2	257	118	5	242	119	3	245	117	3	212	103	3
Tốt		1.094	216	113		242	114	4	218	109		220	107		198	101	1
Đạt		104	27	5	1	14	4		24	10	3	25	10	3	14	2	2
Cần cố gắng		4	3	2	1	1		1									
Năng lực đặc thù																	
Ngôn ngữ	1202	1.202	246	120	2	257	118	5	242	119	3	245	117	3	212	103	3
Tốt		1.035	215	111		232	109	4	215	109		200	103		173	95	
Đạt		161	26	7		24	9		27	10	3	45	14	3	39	8	3
Cần cố gắng		6	5	2	2	1		1									
Tính toán	1202	1.202	246	120	2	257	118	5	242	119	3	245	117	3	212	103	3
Tốt		973	207	107		225	104	4	215	108		180	87		146	86	
Đạt		222	33	11		31	14		27	11	3	65	30	3	66	17	3
Cần cố gắng		7	6	2	2	1		1									
Tin học	699	699							242	119	3	245	117	3	212	103	3
Tốt		645							220	111		229	111	3	196	96	
Đạt		54							22	8	3	16	6		16	7	3
Cần cố gắng																	
Công nghệ	699	699							242	119	3	245	117	3	212	103	3
Tốt		645							215	108		236	115	3	194	98	
Đạt		54							27	11	3	9	2		18	5	3
Cần cố gắng																	
Khoa học	1202	1.202	246	120	2	257	118	5	242	119	3	245	117	3	212	103	3
Tốt		1.107	220	113		240	114	4	217	111		232	114	3	198	101	2
Đạt		92	24	6	1	16	4		25	8	3	13	3		14	2	1
Cần cố gắng		3	2	1	1	1		1									
Thẩm mỹ	1202	1.202	246	120	2	257	118	5	242	119	3	245	117	3	212	103	3

Tốt		1.051	210	109		237	112	4	214	109		209	108		181	98	
Đạt		150	36	11	2	19	6		28	10	3	36	9	3	31	5	3
Cần cố gắng		1				1		1									
Thế chất	1202	1.202	246	120	2	257	118	5	242	119	3	245	117	3	212	103	3
Tốt		1.095	217	112		250	117	4	218	111		219	110		191	98	
Đạt		106	29	8	2	6	1		24	8	3	26	7	3	21	5	3
Cần cố gắng		1				1		1									
III. Phẩm chất chủ yếu																	
Yêu nước	1202	1.202	246	120	2	257	118	5	242	119	3	245	117	3	212	103	3
Tốt		1.182	244	119	1	256	118	4	228	115	1	245	117	3	209	103	3
Đạt		19	2	1	1				14	4	2				3		
Cần cố gắng		1				1		1									
Nhân ái	1202	1.202	246	120	2	257	118	5	242	119	3	245	117	3	212	103	3
Tốt		1.180	244	119	1	256	118	4	228	115	1	242	116	3	210	103	3
Đạt		21	2	1	1				14	4	2	3	1		2		
Cần cố gắng		1				1		1									
Chăm chỉ	1202	1.202	246	120	2	257	118	5	242	119	3	245	117	3	212	103	3
Tốt		1.113	231	117		256	118	4	215	108		222	109		189	100	
Đạt		88	15	3	2				27	11	3	23	8	3	23	3	3
Cần cố gắng		1				1		1									
Trung thực	1202	1.202	246	120	2	257	118	5	242	119	3	245	117	3	212	103	3
Tốt		1.153	233	118		256	118	4	228	115	1	232	112		204	103	2
Đạt		48	13	2	2				14	4	2	13	5	3	8		1
Cần cố gắng		1				1		1									
Trách nhiệm	1202	1.202	246	120	2	257	118	5	242	119	3	245	117	3	212	103	3
Tốt		1.127	231	118		256	118	4	218	109		222	109		200	102	1
Đạt		74	15	2	2				24	10	3	23	8	3	12	1	2
Cần cố gắng		1				1		1									
IV. Đánh giá KQGD	1202	1.202	246	120	2	257	118	5	242	119	3	245	117	3	212	103	3
- Hoàn thành xuất		556	156	79		161	76	4	114	66		69	37		56	31	
- Hoàn thành tốt □		253	18	12		25	13		48	22		83	39		79	48	
- Hoàn thành □		386	66	27		70	29		80	31	3	93	41	3	77	24	3

- Chưa hoàn thành <input type="checkbox"/>		7	6	2	2	1		1									
V. Khen thưởng		1.027	216	116		229	115	5	209	119		196	103		177	104	
- Giấy khen cấp trường		810	175	92		186	89	4	162	88		152	76		135	79	
- Giấy khen cấp trên		217	41	24		43	26	1	47	31		44	27		42	25	
VI. HSDT được trợ giảng																	
VII. HS.K.Tật		16	2		2	5	1	5	3	1	3	3	1	3	3	2	3
VIII. HS bỏ học kỳ II																	
IX. Chương trình lớp học <input type="checkbox"/>	1202	1.202	246	120	2	257	118	5	242	119	3	245	117	3	212	103	3
Hoàn thành <input type="checkbox"/>	1195	1.195	240	118		256	118	4	242	119	3	245	117	3	212	103	3
Chưa hoàn thành <input type="checkbox"/>	7	7	6	2	2	1		1									

Thọ Nghiệp, ngày 25 tháng 6 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Thu Yên